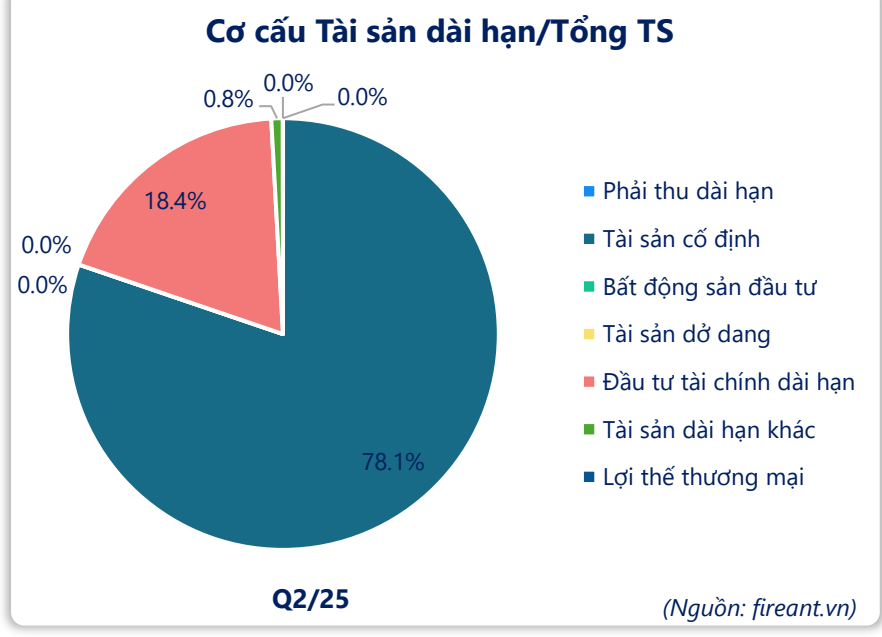
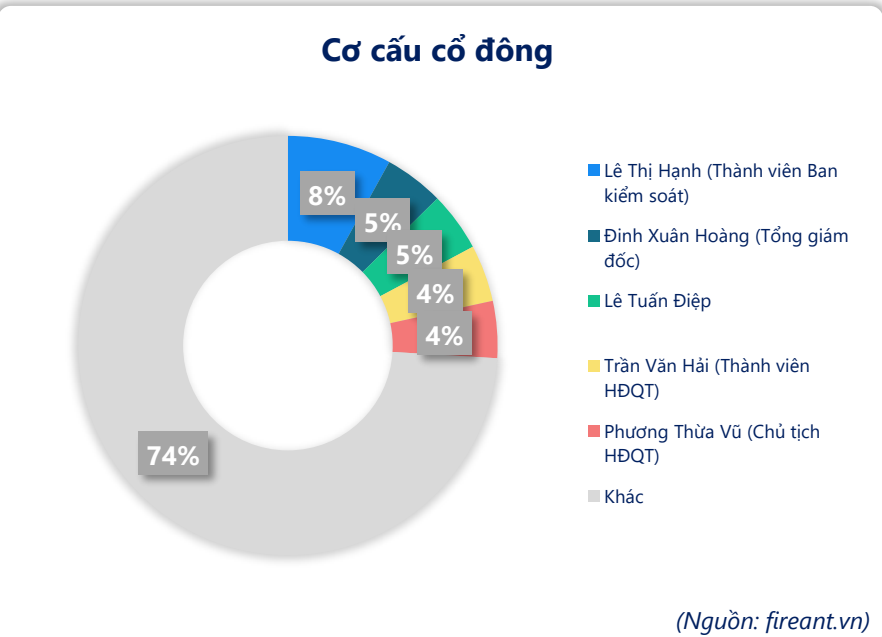
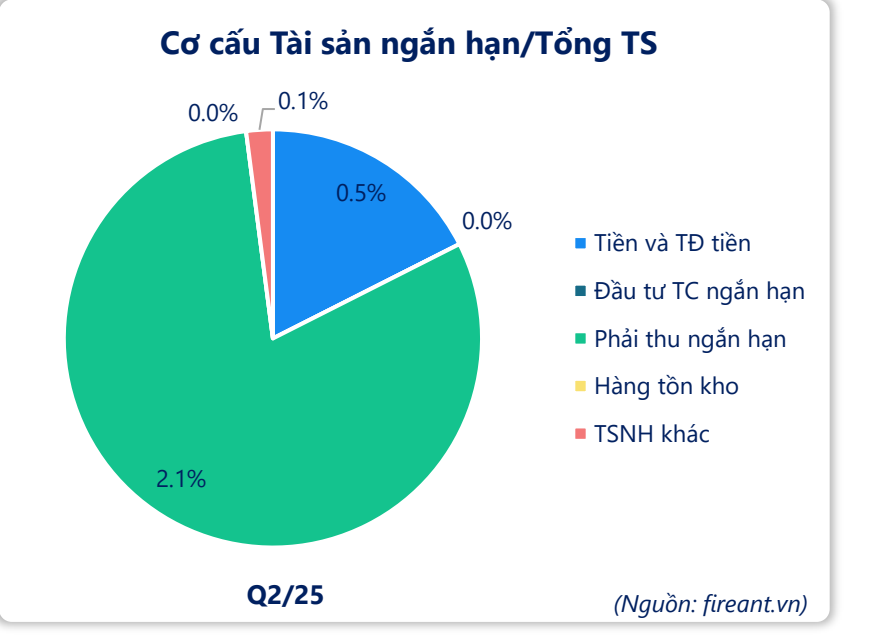
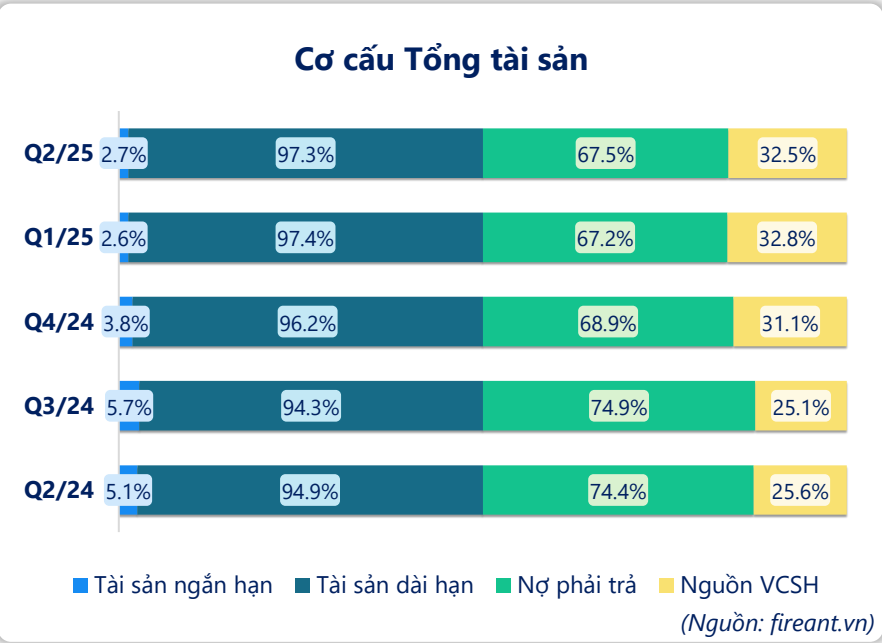
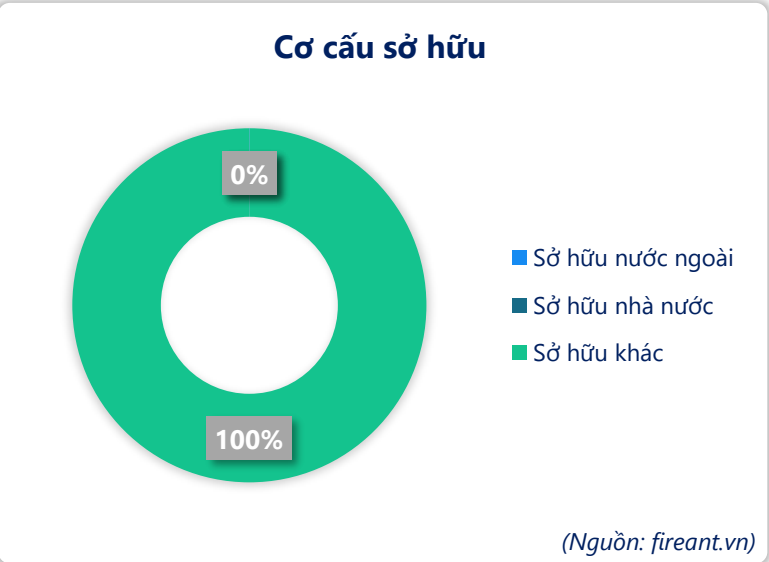
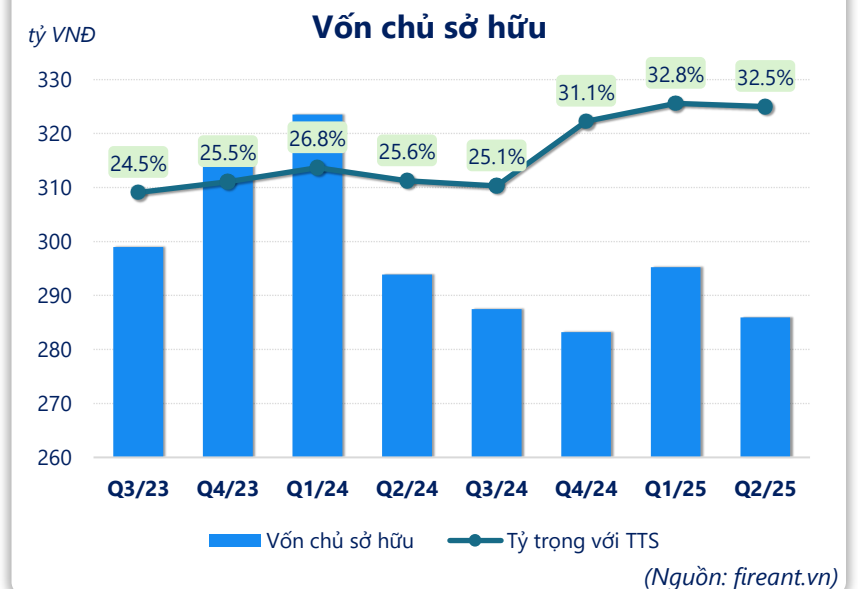
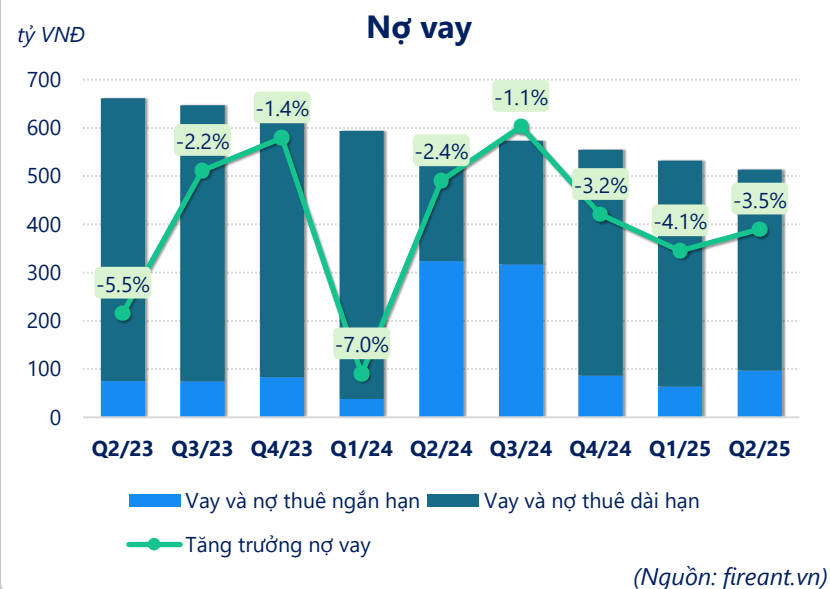
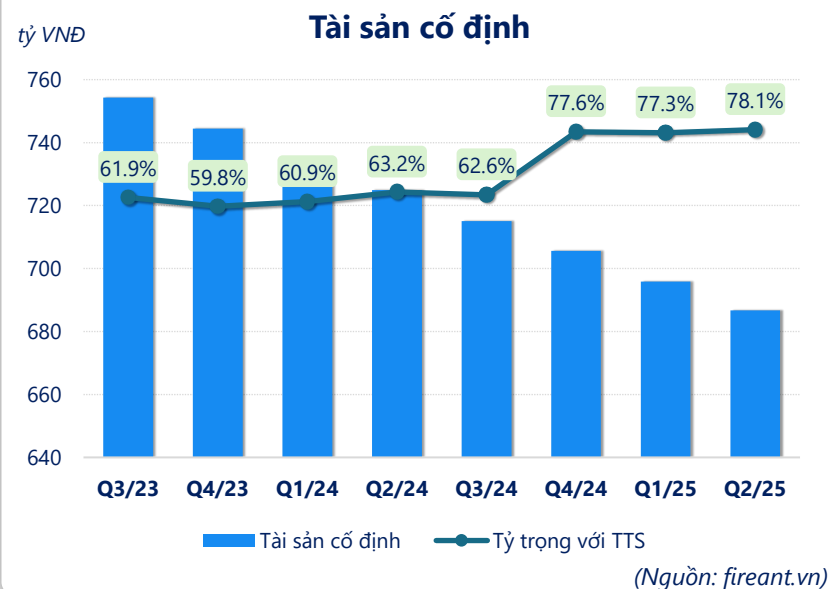
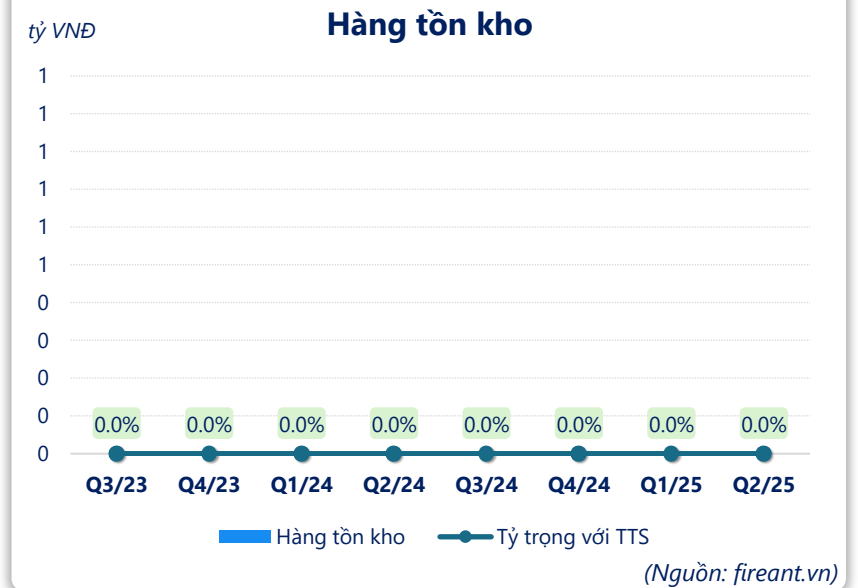
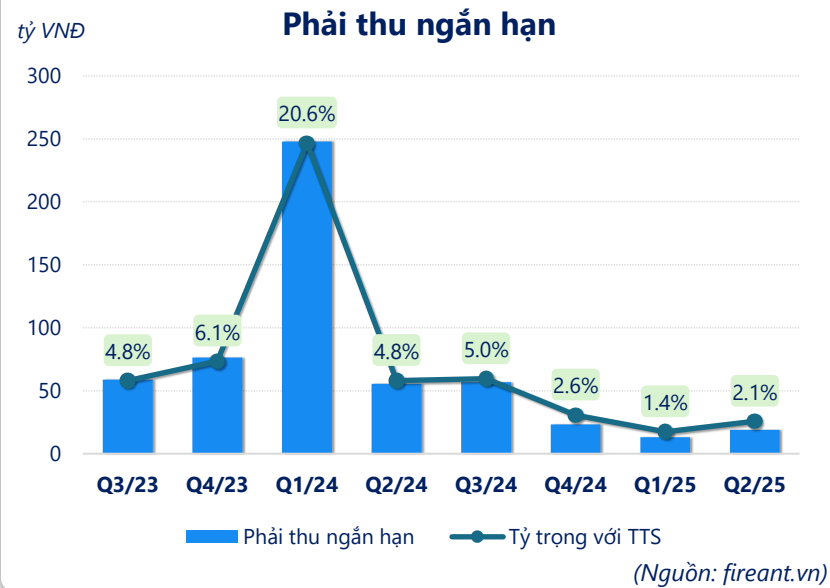
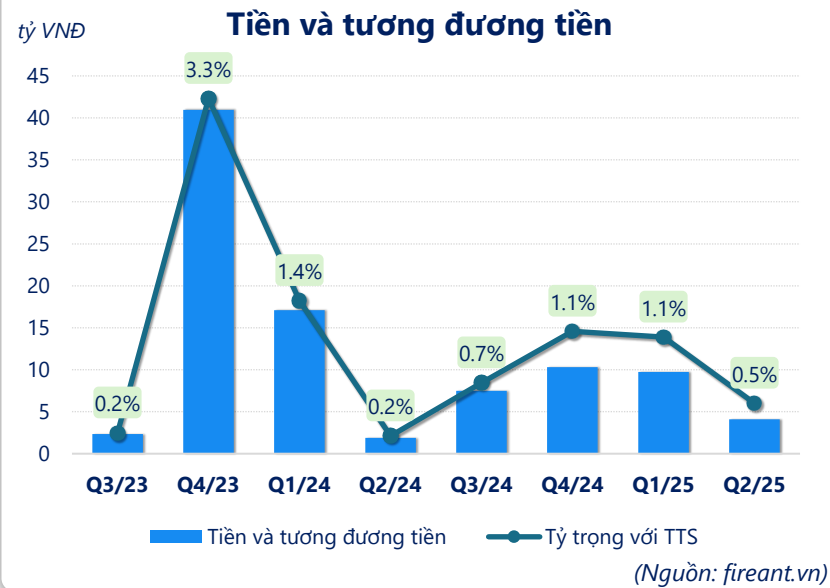
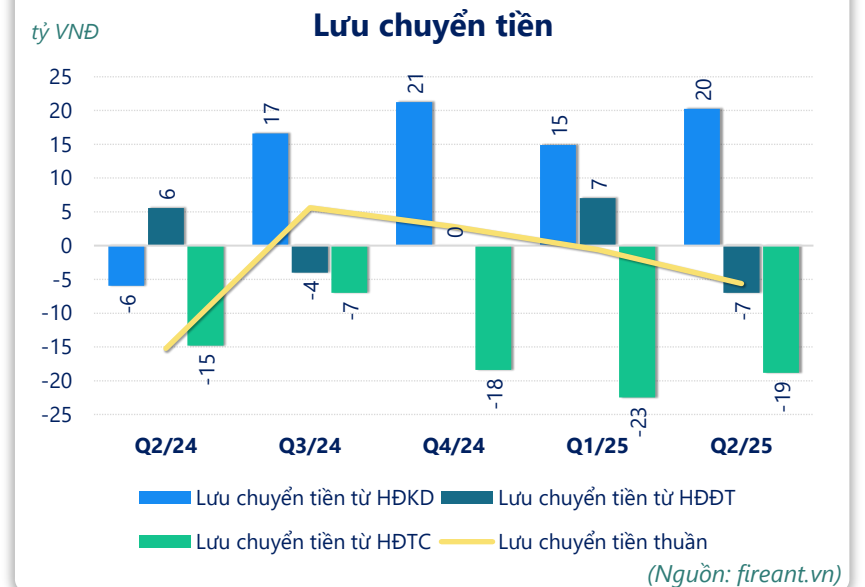
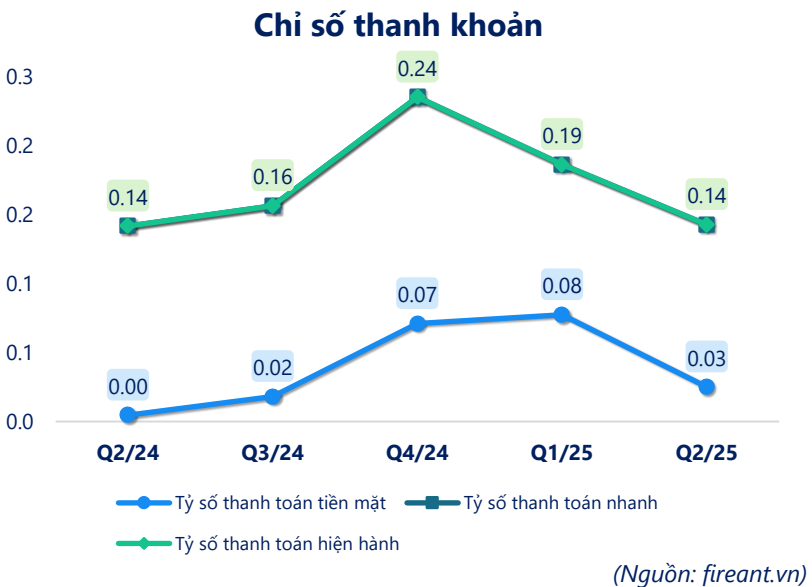
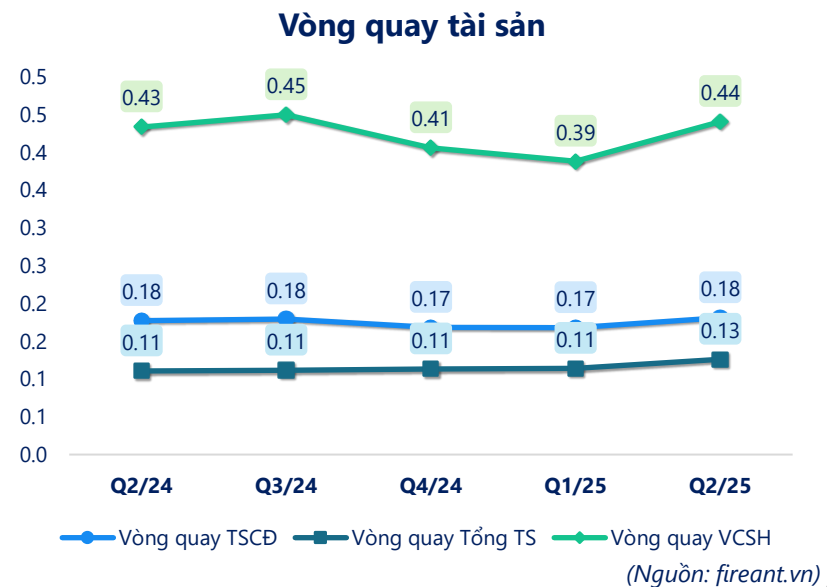
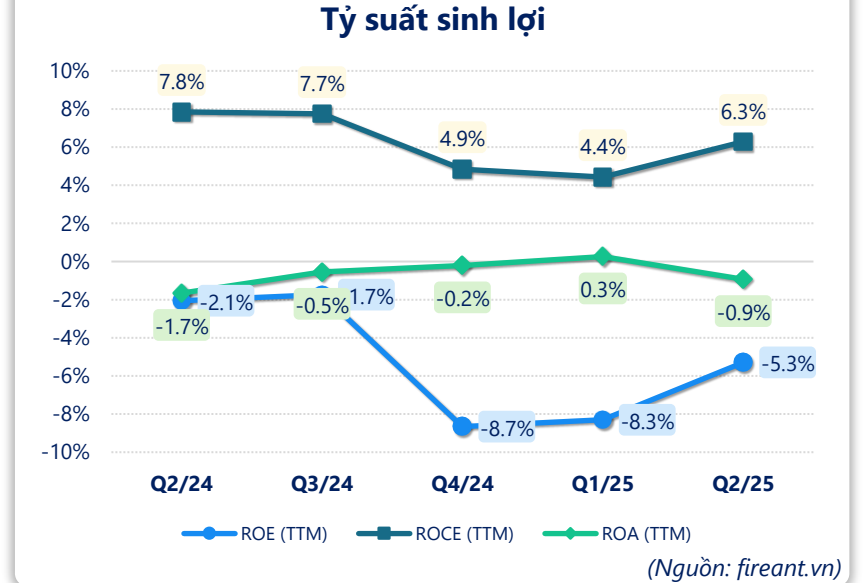
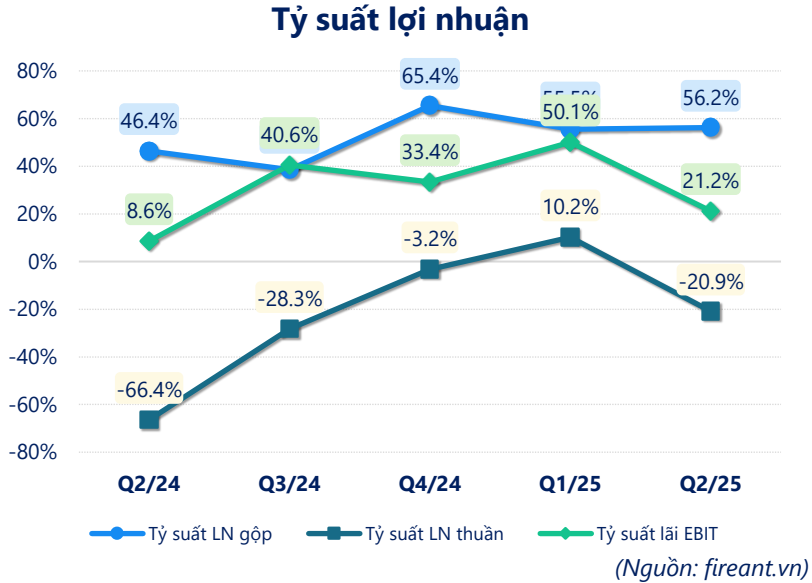
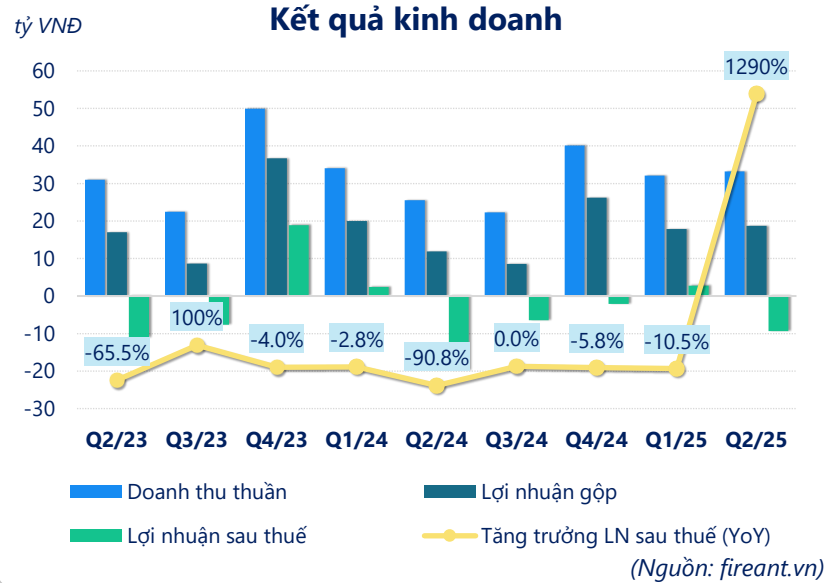


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		39,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,700
SL cổ phiếu LH		28,490,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,138
P/E		-74.2
EPS		-538

	YTD	1T	3T	6T
TTE	5.5%	7.0%	-7.5%	19.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	879	916	-4.0%
Tài sản ngắn hạn	23.4	34.2	-31.5%
Tiền và tương đương tiền	4.11	10.3	-60.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	18.8	23.3	-19.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.48	0.64	-24.5%
Tài sản dài hạn	856	882	-2.9%
Phải thu dài hạn	0.04	0.05	-18.9%
Tài sản cố định	687	706	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	162	172	-5.7%
Tài sản dài hạn khác	7.33	4.26	72.0%
Lợi thế thương mại	0.10	0.16	-34.3%
Nợ phải trả	594	623	-4.8%
Nợ ngắn hạn	164	144	13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	96.8	86.4	12.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.88	3.99	-2.5%
Nợ dài hạn	430	479	-10.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	417	468	-11.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	286	292	-2.2%
Vốn chủ sở hữu	286	292	-2.2%
Vốn điều lệ	285	285	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	25.6	22.3	40.1	32.1	33.2
Giá vốn hàng bán	13.7	13.7	13.9	14.3	14.6
Lợi nhuận gộp	11.9	8.60	26.2	17.8	18.7
Doanh thu HĐTC	3.66	3.69	0.00	0.02	0.00
Chi phí TC	17.5	17.2	25.8	12.9	14.1
Chi phí lãi vay	19.3	15.5	14.8	12.9	14.1
LN trong công ty LKLD	-13.3	0	0	0	-9.75
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.67	1.35	1.72	1.64	1.79
LN thuần từ HĐKD	-17.0	-6.31	-1.29	3.27	-6.95
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.12	-0.08	-0.13	-0.07
LN trước thuế	-17.1	-6.42	-1.38	3.15	-7.03
Lợi nhuận sau thuế	-19.8	-6.42	-2.07	2.80	-9.32
LNST của CĐ cty mẹ	-19.7	-6.45	-2.23	2.74	-9.40

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.97	16.6	21.2	14.9	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.55	-4.00	0.00	7.02	-7.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.8	-7.00	-18.4	-22.5	-18.8
Tiền đầu kỳ	17.1	1.89	7.50	10.3	9.72
Lưu chuyển tiền thuần	-15.2	5.61	2.82	-0.59	-5.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.89	7.50	10.3	9.72	4.11

(Nguồn: fireant.vn)